TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO BẰNG** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24A/2019/DS-ST
Ngày: 15/7/2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự
(hợp đồng vay tiền)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG, TỈNH CAO BẰNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bế Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Long Văn Thanh

2. Bà Nông Thị Duyên

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Mã Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng*:** Bà Trương Thị Nha - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử công khai vụ án thụ lý số: 20/2019/TLST-DSST ngày 20 tháng 3 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự (Hợp đồng vay tiền)" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2019/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2019, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Hoàng Văn T - sinh năm 1966;

Địa chỉ: thôn N, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Có mặt.

- *Bị đơn:* Vũ Thị H - sinh năm 1962;

Địa chỉ: tổ N, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Nguyễn Văn L – sinh năm 1952

Địa chỉ: P, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Có mặt.

2. Lương Văn T - Sinh năm 1971

Địa chỉ: K, xã P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Hoàng Văn T trình bày: do có mối quan hệ quan biết, thông qua lời giới thiệu của ông Nguyễn Văn L nên ông nhất trí hợp tác góp vốn cùng bà Vũ

Thị H để khai thác gỗ thông tại thành phố C. Việc thỏa T góp vốn không lập thành văn bản giấy tờ, chỉ nói miệng với nhau. Trong năm 2016, ông đã góp tiền vốn với bà Vũ Thị H số tiền 160.000.000 đ (một trăm sáu mươi triệu đồng), nhưng trong quá trình thực hiện công việc khai thác gỗ không đúng như ban đầu hai bên đã thỏa T, nên ông đã yêu cầu bà H cho ông xin rút tiền vốn đầu tư, không tiếp tục hợp tác khai thác gỗ nữa. Bà H nhất trí, đã trả lại cho ông số tiền ông đã góp vốn là 50.000.000 đ (năm mươi triệu đồng). Đến ngày 14/10/2017 bà H trả thêm cho ông số tiền 10.000.000 đ (mười triệu đồng) và viết giấy cam kết sẽ trả lại cho số tiền còn lại 100.000.000 đ (một trăm triệu đồng) vào ngày 28/12/2017. Quá thời hạn thỏa T trên không thấy bà H trả tiền, ông đã đến yêu cầu bà H thực hiện việc trả nợ theo cam kết nhưng bà H vẫn không thanh toán tiền cho ông. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu bà H thanh toán số tiền còn nợ là 100.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất ngân hàng.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án bà Vũ Thị H trình bày:

Bà và ông T có mối quan hệ quen biết qua sự giới thiệu của ông Nguyễn Văn L nên giữa bà và ông T có hợp tác góp vốn để khai thác gỗ, việc thống nhất chỉ thỏa thuận miệng, không lập thành văn bản giấy tờ, nhưng do thời gian tiến hành làm thủ tục cấp giấy phép khai thác gỗ kéo dài, không thuận lợi như thỏa thuận ban đầu nên ông T đã yêu cầu rút vốn không tiếp tục hợp tác khai thác gỗ nữa. Bà đã trả lại cho ông T 60.000.000 đ (sáu mươi triệu đồng) và còn nợ lại số tiền 100.000.000 đ (một trăm tiệu đồng) theo cam kết giữa bà và ông T là đúng. Tuy nhiên, số tiền 100.000.000 đ (một trăm triệu đồng) bà đã giao cho chủ rừng để thực hiện thủ tục cấp phép khai thác gỗ, nên chưa có tiền để trả lại cho ông T; khi việc thỏa thuận với chủ rừng thống nhất, chủ rừng trả lại tiền cho bà thì bà sẽ có trách nhiệm trả lại cho ông T. Theo cam kết thỏa thuận ngày 14/10/2107 bà bị ép buộc ký, nay ông T có yêu cầu bà thanh toán số tiền 100.000.000 đ (một trăm triệu đồng) đã góp vốn làm ăn và tính lãi xuất theo quy định của pháp luật bà không nhất trí. Ngoài ra, bà yêu cầu ông T phải có trách nhiệm bồi thường giá trị số cây ông T đã đưa quân lên cắt tại rừng mà bà đang xin cấp phép khai thác nhưng chưa thực hiện được với số tiền là 90.000.000 đ (chín mươi triệu đồng).

Quá trình giải quyết vụ án người làm chứng Lương Văn T trình bày: ông có biết việc ông T và bà H có quan hệ quen biết và hợp tác cùng nhau khai thác gỗ. Tuy nhiên, hợp tác không thành công nên ông T đã rút vốn góp với bà H, không hợp tác khai thác gỗ nữa, bà H đã trả lại cho ông T một phần tiền vốn góp và còn nợ lại một phần tiền vốn. Ông có được cùng ông T lên đòi tiền với bà H, nhưng bà H không trả cho ông T. Thời điểm viết giấy cam kết ngày 14/10/2017 có mặt ông T, bà H được lập tại nhà bà H, ông là người viết bản cam kết, hẹn đến ngày 28/12/2017 bà H sẽ trả hết cho ông T. Trong bản cam kết bà H và ông T cùng ký, nhưng không có việc thỏa thuận lãi xuất.

Quá trình giải quyết vụ án người làm chứng Nguyễn Văn L trình bày: ông và bà H có quan hệ quen biết thông qua việc mua bán gỗ. Năm 2016, bà H có rủ ông hợp tác khai thác gỗ, ông đã rủ thêm ông T là bạn cùng quê, lên Cao Bằng hợp tác cùng bà H để khai thác gỗ. Qua trao đổi thống nhất các bên cùng nhau góp vốn cùng nhau khai thác gỗ. Ông T đã góp cho bà H số tiền 160 triệu đồng,

nhưng khi chuẩn bị tiến hành việc khai thác gỗ giữa ông T và bà H có xảy ra mâu thuẫn nên ông T không tiếp tục việc hợp tác nữa và xin rút vốn. Ông và ông T đã lên nhà bà H để đòi tiền nhiều lần nhưng bà H chưa thanh toán hết số tiền góp vốn cho ông T, nên ông T mới làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm. Quan điểm về việc giải quyết vụ án: căn cứ Điều 91, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: căn cứ Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ quốc hội, buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: tại thời điểm ông Hoàng Văn T khởi kiện, bà Vũ Thị H có hộ khẩu thường trú tại tổ N, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: ông Hoàng Văn T và bà Vũ Thị H có quan hệ quen biết và hợp tác làm ăn kinh tế, có thỏa thuận miệng về việc hợp tác khai thác gỗ tại thành phố C. Mọi thủ tục liên quan đến việc khai thác gỗ do bà H chịu trách nhiệm, ông T chỉ việc góp vốn để cùng khai thác. Năm 2016 ông T đã góp vốn với bà H 160.000.000 đ (một trăm sáu mươi triệu đồng) để góp vốn khai thác gỗ tại Cao Bằng. Cụ thể số tiền góp vốn như sau:

Lần 1: ngày 16/6/2016 (âm lịch) tại xưởng gỗ bà H, ông T đưa cho bà H số tiền 100 triệu đồng.

Lần 2: ngày 10/8/2016 (âm lịch), bà H xuống nhà ông T chơi, ông T đưa tiếp cho bà H số tiền 10 triệu đồng.

Lần 3: ngày 25/7/2016 ông nhờ bà Trần Thị L đã chuyển vào tài khoản 830020507570N của bà Vũ Thị H số tiền 50.000.000 đ (năm mươi triệu đồng).

Nhưng trong quá trình cùng nhau hợp tác khai thác gỗ giữa các bên có xảy ra mâu thuẫn, không thống nhất quan điểm, nên ông T đã rút tiền góp vốn với bà H; bà H nhất trí và đã trả lại cho ông T số tiền 60 triệu đồng. Số tiền còn lại là 100 triệu đồng, ông T đã lên nhà bà H nhiều lần để yêu cầu bà H trả hết số tiền còn lại nhưng bà H không thực hiện. Ngày 14/10/2017 giữa bà Vũ Thị H và ông

Hoàng Văn T đã lập bản cam kết trả tiền có sự chứng kiến của ông Lương Văn T và ông Nguyễn Văn L. Trong bản cam kết này, bà H có ấn định thời gian trả tiền cho ông T là ngày 28/12/2017.

Đến hết thời gian thỏa thuận ngày 28/12/2017 bà H vẫn không thanh toán tiền cho ông T. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu bà H thanh toán nợ gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi xuất theo quy định của pháp luật.

Về lãi trong hạn: ông T cho rằng khoản tiền ông chuyển cho bà H để góp vốn cùng khai thác gỗ, ông cũng đi vay ngân hàng để làm vốn, nên ông yêu cầu bà H phải có trách nhiệm trả lãi cho ông theo lãi xuất quy định của pháp luật; trong giấy cam kết trả tiền ngày 14/10/2017 có ghi thời hạn trả là ngày 28/12/2017 không ghi lãi xuất vì ông tin tưởng bà H sẽ thực hiện đúng như thỏa thuận nên không tính lãi xuất. Nay bà H vi phạm thì bà H phải có nghĩa vụ trả lãi xuất quá hạn theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của ông T là có căn cứ, bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ, nên phải chịu toàn bộ lãi xuất.

[2.2] Xét thấy, ông T và bà H ký cam kết và thực hiện trả nợ tài sản hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật. Việc bà H chưa thanh toán cho ông T số tiền nợ là 100.000.000 đồng là vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng vay tài sản. Do đó, ông T yêu cầu bà H thanh toán số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng hoàn toàn phù hợp nên cần chấp nhận.

Bà H khẳng định bà không vay tiền với ông T, số tiền bà còn nợ ông T số tiền 100 triệu đồng là tiền góp vốn cùng làm ăn kinh tế nên bà không chấp nhận việc ông T yêu cầu tính lãi xuất, hơn nữa trong cam kết trả tiền không thỏa thuận mức lãi xuất nên bà không chấp nhận. Tại phiên tòa bà H trình bày giấy cam kết được lập ngày 14/10/2017 tại nhà của bà, là do bà bị ép buộc. Tại phiên tòa bà không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày đó nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận.

Ngày 21/6/2019, bà có đơn cung cấp thông tin mới yêu cầu ông T có trách nhiệm thanh toán tiền 09 cây gỗ đã bị đốn hạ tại rừng của ông Hoàng Văn K với số tiền 90.000.000 đ (chín mươi triệu đồng); kèm theo đơn cung cấp là 2 tấm ảnh chụp các cây gỗ bị hạ tại rừng. Ngoài ra bà không có tài liệu gì để chứng minh cho việc chặt cây, giá trị thanh toán cũng như việc thỏa thuận với chủ rừng là ông Hoàng Văn K như biên bản về việc chặt hạ gỗ, biên bản xác định giá trị khối lượng gỗ bị đốn, chặt; địa điểm nơi có gỗ bị đốn, chặt ... nên yêu cầu của bà H trình bày không đủ căn cứ để chấp nhận; do vậy, hội đồng xét xử không đặt ra việc xem xét giải quyết.

[2.3] Về tiền lãi:

- Lãi trong hạn: ông T khẳng định trong cam kết không có thỏa thuận về lãi nhưng bà H không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nên ông yêu cầu bà H thanh toán tiền lãi trong hạn theo quy định của pháp luật.

100.000.000 đ x 10%/ năm x 2 tháng 14 ngày = 2.052.000 đ (hai triệu không trăm năm mươi hai nghìn đồng).

- Lãi quá hạn: mức lãi suất 10%/năm ông T yêu cầu bà H thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận, cụ thể: tại khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *"Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả".*

khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *"Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác".*

khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:*"2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ".*

Như vậy, tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (15/7/2019) bà H phải thanh toán cho ông T số tiền cụ thể như sau:

Nợ gốc: 100.000.000 đồng;

Tiền lãi quá hạn từ ngày 28/12/2017 đến ngày 15/7/2019 là 18 tháng 17 ngày:

100.000.000 đồng x 10%/năm x 18 tháng 17 ngày = 15.410.000 đ (mười năm triệu bốn trăm mười nghìn đồng).

Tổng số tiền lãi là: 17.462.000 đ (mười bảy triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

Cả gốc và lãi bà H phải thanh toán cho ông T là 117.462.000 đ (một trăm mười bảy triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: do các yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Số tiền nguyên đơn yêu cầu được Tòa án chấp nhận tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 117.462.000 đ (một trăm mười bảy triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn đồng) nên bà H phải chịu số tiền án phí là 5.873.100 đ (năm triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn một trăm đồng) để sung quỹ nhà nước. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 1 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn T đối với bà Vũ Thị H. Buộc bà Vũ Thị H phải thanh toán cho ông Hoàng Văn T số tiền tính đến hết ngày 15/7/2019 gồm:

Nợ gốc: 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng);

Tiền lãi: 17.462.000 đ (mười bảy triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

Tổng cộng cả gốc và lãi là: 117.462.000 đ (một trăm mười bảy triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: buộc bà Vũ Thị H phải nộp 5.873.100 đ (năm triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn một trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước.

Hoàn trả cho ông Hoàng Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai số AA/2018/0000385 ngày 20/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

3. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm. Các bên đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bế Lan Phương